

Tìm hiểu về con người Vua Tự Đức

» Tác giả: **Hồ Bạch Thảo**

Trong các vua nhà Nguyễn, Tự Đức làm vua lâu nhất; lên ngôi vào năm 1848, thoái vị vào năm 1883, tổng cộng 36 năm. Trong thời gian trị vì, Pháp xâm lăng Việt Nam, loạn lạc xảy ra khắp nơi, trách nhiệm của nhà vua đối với lịch sử thật lớn lao. Trước khi nhận những lời phê phán của lịch sử; vua Tự Đức đã tự trách mình qua đạo dụ *Tự biếm* vào năm 1876 như sau (dịch):

"Trăm tuổi thơ được nối ngôi báu, nhờ công tổ tiên bấy giờ quốc gia toàn thịnh. Việc nước việc đời, chưa từng kinh nghiệm; không để ý đến lời răn "lúc yên ổn phải nghĩ đến lúc nguy nan", mãi đam mê theo thói vui chơi; cho đến nỗi trên thì trời trách phạt, dưới thì dân oán hờn, ngoài thì ngoại bang giận dữ, trong thì không có kế hoạch tốt hay. Cứ việc đến thì lo, nhưng không giải quyết được công việc. Miễn cưỡng theo mưu kế của bậc lão thần ^[1], bỏ đất đai và dân chúng 6 tỉnh Nam Kỳ, để cầu khỏi nạn chiến tranh và yên xã tắc. Trên 200 năm khai sáng gìn giữ gian nan, bỏ trong một sớm; chính là tội của tên tiểu tử này, kể sao cho xiết! Túng si có lập được nên công đức cũng không đủ chuộc được tội lỗi. Huống hồ Trẫm lại không công không đức, chỉ trơ mặt trơ thân ngồi nhìn, lần lữa cho đến già yếu; tuy thiên hạ không nổi trách ta, nhưng lòng ta há lại không suy nghĩ." ^[2]

Qua lời tự chê trách khá thành khẩn, rõ ràng nhà vua thừa nhận mình không có đủ khả năng để hoàn thành trọng trách trong giai đoạn khó khăn của lịch sử. Đi sâu hơn chúng ta hãy tìm hiểu những yếu tố hình thành con người của nhà vua như thể chất, tính tình, giáo dục, gia đình, để hiểu rõ tại sao nét hùng lược quả cảm của

thiết của vị vua anh hùng trong thời loạn lại thiếu vắng nơi con người này.

A. Tiểu sử vua Tự Đức

Tự Đức tên là Hồng Nhậm ^[3] con vua Thiệu Trị, sinh ngày 25 tháng 8 năm Kỷ Sửu (22/9/1829). Thiệu Trị có 64 người con, 29 hoàng tử, 35 hoàng nữ; nhà vua là con thứ hai, An Phong công Hồng Bảo sinh trước nhưng là con vợ thứ. Mẹ là Từ Dụ Hoàng Thái hậu, tên húy Phạm Thị Hằng, quê quán tại huyện Tân Hòa, tỉnh Gò Công; con quan Thượng thư Bộ Lại Phạm Đăng Hưng. Bà Từ Dụ được tuyển vào cung năm 14 tuổi, một năm sau sinh Diên Phúc công chúa, năm 19 tuổi sinh nhà vua.

Tháng Giêng năm Thiệu Trị thứ 3 (1844) Hồng Nhậm được phong tước Phước Tuy công và ở phủ đệ riêng lúc này tuy đã khôn lớn, nhưng Từ Dụ vẫn săn sóc lo lắng như hồi còn bé.

Tháng 10 năm Đinh Mùi vua Thiệu Trị mất, Hồng Nhậm được lên kế vị lấy năm Mậu Thân (1848) làm năm Tự Đức thứ nhất. Trong bài *Thị thần công dụ* nhà vua giải thích lý do chọn hai chữ "Tự Đức" làm niên hiệu là để tỏ lòng chân thành muốn nối đức trạch của tổ tiên ^[4]. Nhà vua không có con, nên phải nuôi 3 người cháu làm con nuôi: trưởng là Dục Đức, thứ hai là Chánh Mông, thứ ba là Dưỡng Thiện.

Mô tả chân dung vua Tự Đức, Tổng đốc Thân Trọng Huề viết như sau:

"Ngài hình dung như một người Nho sĩ, không cao không thấp, trạc người bậc trung; không gầy không béo, có hơi gầy một tí. Da không trắng không đen. Mặt hơi dài, cằm hơi nhỏ, trán rộng mà thẳng, mũi cao mà tròn, hai con mắt tinh mà lạnh. Ngài hay chít cái khăn vàng mà nhỏ và mặc áo vàng, đi giày vàng của Bộ Nội vụ đóng. Ngài không ưa trang sức, mà cũng không cho các bà nội cung đeo đồ nữ trang, chỉ cốt lấy sự ăn mặc

sạch sẽ làm đẹp." [5]

B. Thể chất vua Tự Đức

Căn cứ vào tài liệu để lại, được biết thể chất vua Tự Đức vốn bạc nhược ngay lúc mới sinh, năm lên 3 tuổi bị bệnh tả nên càng thêm mất sức; nhà vua tâm sự:

"Ta thuở nhỏ vóc người gầy ốm èo uột lắm. Hồi ta ba tuổi bị bệnh tả cả đêm; lúc đó có vú nuôi song mẹ ta không bằng lòng, đuổi ra ngoài không cho làm vú nữa. Mỗi khi ta đi tả, hoặc nửa đêm, hoặc hai phân đêm, mẹ ta thường chịu khó thức bồi đỡ luôn". [6]

Riêng trong *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, nhà vua trình bày tỉ mỉ tình trạng sức khỏe như sau :

"Vốn bẩm sinh bạc nhược, xưa nay chưa có ai khí chất yếu kém như vậy. Cho nên từ thuở ấu thơ, niên thiếu cho đến già lão luôn luôn lấy bệnh làm bạn bè, mượn thuốc làm bản mệnh, cơ hồ chưa hề gián cách một ngày. Năm nay đã gần 50 tuổi, mà gân sức càng thấy mệt mỏi, ăn uống không tiêu, thường bị uất trệ, sắc mặt xám xanh, thịt da gầy guộc, đầu nặng mắt hoa, nhìn ngó không được rõ ràng như trước." [7]

Tại đạo dụ khác, nhà vua phàn nàn tình trạng sức khỏe suy yếu rất trầm trọng, như ngôi lâu chóng mặt, nó lấm hết hơi:

"Trầm thật lắm bệnh, lại ở chốn thâm cung thấp khí nặng nề, nên ngôi lâu chóng mặt, nói nhiều thì hết hơi, di bụng muốn nói nhưng sức không cho phép. Điều này ai cũng rõ là không phải mới xảy ra, mà xưa nay vốn như thế." [8]

Nói tóm lại thể chất vua Tự Đức vốn yếu đuối ngay từ lúc mới sinh, rồi bị bệnh tật liên miên, không rời thuốc thang. Lúc gần 50 tuổi thì sức khỏe hầu như kiệt quệ, bởi thế nhiều lúc nhà vua tỏ ra tuyệt vọng, dùng những lời ai oán than vãn cho tình trạng sức khỏe của mình. Nhà vua đã dùng nhiều giấy mực nói về bệnh tật; riêng trong *Tự Đức thánh chế văn tam tập* chép hai đạo dụ cầu thầy thuốc giỏi, và hai đạo dụ khác nội dung trách phạt các viên thái y bất tài cùng trễ nải công việc. Dĩ nhiên tình trạng sức khỏe yếu kém ảnh hưởng rất nhiều đến sự nghiệp chính trị của nhà vua.

C. Tính tình

1. Tính đa cảm

Các nhà khảo cứu *Truyện Kiều* thường cho rằng tác giả Nguyễn Du có một tâm hồn đa sầu đa cảm. Nếu tìm hiểu các bài thơ chữ Hán của ông, người đọc bắt gặp nhiều lời than vãn về bệnh tật, gầy yếu, tóc sớm bạc v.v. Phải chăng tính đa sầu đa cảm thường dễ có trong một cơ thể bệnh hoạn.

Điều nhận xét trên tuy chưa hẳn là một quy luật song ta có thể thấy được ở một số người khác, trong đó có vua Tự Đức. Thông thường các bậc gánh vác việc lớn thường phải kiềm chế tình cảm; Tự Đức là một ông vua được đào luyện trong khuôn khổ Nho giáo, lại càng phải thâm nhuần lẽ đó. Tuy nhiên với sẵn tính trời đa sầu đa cảm, nên nhiều khi nhà vua không dằn được nổi lòng, bộc lộ những cảm xúc riêng, thường không có lợi về việc chính trị. Như trong *Tự biếm dụ* tác giả đã trình bày về lỗi lầm của mình qua câu:

"Ngoài thì ngoại bang giận dữ, trong thì không có kế hoạch tốt hay, cứ việc đến thì lo, nhưng không giải quyết được sự việc".

Người đương thời đọc những lời trên chắc không khỏi thương hại nhà vua, nhưng về phương diện lý trí họ không thể đặt trọn vẹn niềm tin về khả năng lãnh đạo yếu kém như vậy, lại có thể lèo lái con thuyền quốc gia qua cơn bão tố. Tính đa cảm của vua Tự Đức còn được bộc lộ một cách rõ nét hơn qua bài văn tế người em trai là Kiến Thụy quận vương, tại đây tác giả hầu như đã trút bỏ vai trò quân vương, với lời lẽ thống thiết ôn lại những kỷ niệm từ thuở ấu thơ, cho đến lúc cả hai anh em cùng trưởng thành:

Tạm dịch:

Văn tế em thứ tư Kiến Thụy quận vương ^[9]

*Ô hô ! Em mến,
Đĩnh ngộ anh hiền.
Tuy do tú khí, ^[10]
Cũng nhờ tiên thiên. ^[11]
Nhớ ngày ra gác, ^[12]
Thơ đại biết gì.
Em chưa học đối,
Anh mới tập thi.
Lo gì, muốn gì,
Nào hay ý vị.
Gỗ vãi, đá cầu,
Buồn không suy nghĩ.*

*Bắc tuần hộ giá,
Phụng mệnh đồng hành. [13]
Thành Đông cư trú,
Phủ đệ song song.
Hầu thăm giờ rảnh,
Vui chuyện quá trung [trưa].
Nhạn không lừa bạn,
Thương mến một lòng.
Trời đất khiến xui,
Tình cờ vô ý.
Đùa giỡn bên nhau,
Giờ đâu còn hí !*

Có lẽ Tự Đức nổi tiếng là vị vua hay chữ, một phần lớn là nhờ ở tính đa cảm, giúp tác giả tìm được những tứ mới và truyền được niềm cảm xúc sâu đậm của mình qua tác phẩm.

2. Thiếu cương quyết

Xét về phương diện lịch sử, ta nhận thấy vua Tự Đức thiếu tính quyết đoán nên đã bỏ lỡ rất nhiều cơ hội. Diễn hình năm 1859, quân Pháp sau hai lần tấn công Đà Nẵng không đem lại kết quả như ý, lại bị bệnh thời khí chết hại rất nhiều, tướng Rigault de Genouilly đã đưa thư xin giảng hòa với ta và đòi hỏi các điều kiện như tự do truyền đạo, tự do thương mại và nhường cho Pháp một chỗ đóng quân để bảo đảm hòa ước. Tự Đức mật dụ hỏi các quan, kẻ thì bàn chiến, người thì bàn hòa không có quyết định dứt khoát. Xét về cục diện lúc này, địch gặp nhiều khó khăn, nếu trên dưới một lòng quyết chiến thì có thể đánh bật quân xâm lăng ra khỏi

đất nước.

Kịp đến khi đồn Kỳ Hòa thất thủ, Nguyễn Tri Phương bị thương, tình hình đang hồi nghiêng ngả, nói chuyện hòa lúc này lại càng làm giải đãi lòng quân và đương nhiên phải gánh chịu một hòa ước bất bình đẳng. Nhưng Tự Đức đã tỏ ra bối rối thiếu cương quyết, lần lượt sử dụng các nhân vật chủ hòa như Nguyễn Bá Nghi, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp; khiến cho sáu tỉnh Nam Kỳ bị mất. Việc này dẫn đến một tiền lệ xấu là mỗi lần nghị hòa là mỗi lần thiệt thòi về quyền lợi, và tinh thần quân sĩ sa sút đến độ không đánh mà tan. Thiết nghĩ Tự Đức là người đã từng nghiên cứu nhiều về quốc sử ^[14] há lại không biết rằng các bậc anh hùng nước ta thành công trong việc chống xâm lăng đều dựa vào cái thế nhân dân. Xét về cuộc chiến tranh chống Pháp, Tự Đức chưa hề sử dụng lực lượng bất tận quý giá đó, lại quá vội vàng chấp nhận những điều kiện trái với nguyện vọng của dân, khiến cho đồng bào trong nước đều phẫn nộ.

Lại đến lúc sắp mất, di chiếu đặt hoàng tử Ung Chân lên nối ngôi; theo lẽ thường vua có bốn phen phải giúp cho tự quân ^[15] có đầy đủ uy tín để lãnh đạo quốc gia, nhất là trong hoàn cảnh khó khăn đương thời. Nhưng vì tính chân chừ thiếu cương quyết nên Tự Đức đã để lại lời di chiếu sau đây:

"...Tính vốn hiếu dân lại quá bất thiện, vị tất gánh nổi đại sự..." (*Tính phả hiếu dân diệc đại bất thiện, vị tất năng đương đại sự*).

Nếu quả không đương nổi đại sự, tại sao lại giao trọng trách ? Lời chiếu thật thà tai hại này dẫn đường cho các quyền thần làm việc phé lập vua ba lần trong bốn tháng (*Tứ nguyệt tam vương*). Qua những chứng liệu vừa trình bày, nếu bảo rằng tính thiếu cương quyết của nhà vua là một nguyên nhân quan trọng làm hư hỏng đại cuộc cũng không phải là quá đáng.

3. Tính đam mê trí thức

Tổng đốc Thân Trọng Huề, từng được thấy dung nhan vua Tự Đức, đã viết về nhà vua như sau:

"Nay xem nguyên bản trong Các, thì thấy có nhiều tờ phiếu Ngài phê dài hơn các quan tâu... chữ đã tốt, văn lại hay, ai cũng kính cái tài của Ngài."

Ngài vốn là người hiếu học, đêm nào Ngài cũng xem sách đến khuya. Có 3 tập Ngự chế thi văn của Ngài đã in thành bản. Ngài lại làm sách chữ Nôm để dạy dân cho dễ hiểu, như sách Thập điều, Tự học điển ca, Luận ngữ điển ca" [16]

Nhận xét trên phù hợp với lời tâm sự của chính nhà vua, qua phần mở đầu bài tựa cuốn *Ngự chế thi tập*:

"Không may chưa đến tuổi gia quan [20 tuổi] đã bỏ học để gánh vác việc khó khăn. Lúc đó mới tập làm thơ luật, ý tuy đã có nhưng bút diễn không ra lời, vì vậy mới quyết chí vào việc học; trong những giờ rảnh việc chính trị, chỉ có lạc thú duy nhất là đọc sách. Một mình cần cù, lấy sách giải sách; lĩnh hội được thì sung sướng vô cùng, nhưng cũng chưa dám vội tin; chưa hiểu được thì cho là khuyết nghi, đợi chờ người cao minh giảng giải. Người xưa với ta cùng đối mặt trò chuyện với nhau trong một nhà, như kẻ lạc đường có xe chỉ nan dẫn lối. Rồi trình độ học vấn cứ từ từ mà tiến, ý đã có thì lời có thể diễn tả trọn ý, việc suy ra thì lời có thể ứng với việc, ý trong chưa hết thì văn ngoài chưa dứt; lúc đầu bẽ tắc, kẻ đó lĩnh hội được sơ sài và cuối cùng tự lại bất giác đã được khá nhiều. [17]

Dưới thời Tự Đức thực lắm việc, thời cuộc biến chuyển dồn dập như mang hia vạn dặm, trách nhiệm nặng nề, nhưng nhà vua vẫn cố dành những phút rảnh rồi đến với sách vở, lại lưu tâm đến công việc trước tác, phải nói vua là người đam mê trí thức đến tận cùng. Công trình của Tự Đức về sáng tác

suru tâm, phê bình, dịch thuật rất lớn; gồm những tác phẩm sau đây:

Tự học giải nghĩa ca.

Khâm định đối sách chuẩn thẳng.

Luận ngữ thích nghĩa ca.

Ngự chế Việt sử tổng vịnh.

Ngự chế thi sơ tập.

Ngự chế thi nhị tập.

Ngự chế thi tam tập.

Tự Đức Thánh chế văn sơ tập.

Tự Đức Thánh chế văn nhị tập.

Tự Đức Thánh chế văn tam tập.

Từ Huấn lục.

Phê bình lịch sử trong bộ sử "Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục".

Dịch "Huân Định Thập Điều" của vua Minh Mệnh.

D. Quá trình học tập

Qua bài tựa cuốn *Ngự chế thi sơ tập*, Tự Đức cho biết về quá trình học tập như sau:

"Thời còn làm hoàng tôn [dưới 13 tuổi], các thầy được gặp chẳng qua một vài vị tú tài già, các sách giáo khoa cũng chỉ là những loại vỡ lòng tiểu học, chuyên về âm chữ, phân đoạn, đặt câu; phép dạy dỗ theo tập quán, thực không hợp cách." ^[18]

Đến khi lên làm hoàng tử [từ 13 đến 19 tuổi] nhà vua mới được thọ giáo với những thầy giỏi hơn và sự học tập cũng có phần tiến bộ hơn trước. Tuy nhiên sự học trong thời gian này cũng không gặt hái được kết quả đúng mức vì những lý do sau đây :

- Chức học quan bổng lộc rất bạc bẽo, nên những nhà Nho nổi tiếng không muốn đảm nhận.
- Các thầy dạy hoàng tử thường sợ phiền lụy, nên không muốn nghiêm khắc với những cậu học trò có nhiều quyền thế, nên sự học của các hoàng tử có phần trễ nải.

Cũng trong *Ngự chế thi sơ tập tự tự*, Tự Đức tâm sự như sau:

"Kịp đến khi làm hoàng tử, chỉ trong vòng 7 năm trời mới được thầy dạy có phần khá hơn. Các sách Thi, Thư Tử Tử cũng chưa học trọn; còn kinh, sử, tử, tập thì hoàn toàn chưa được thiệp liệp, huống chi văn thơ của các nhà khác! Cũng vì chức học quan bạc bẽo lộc ít, các bậc đại khoa cự Nho chẳng ai muốn lãnh. Tuy chức này tiếng là do triều đình tuyển nhưng thực tế vẫn bị coi thường, nên không đề cử những người hữu dụng vào chức vô dụng đó!"

Hơn nữa phàm con người tính tuổi trẻ, thường lấy sự phóng túng làm vui, bị câu thúc làm buồn, chỉ muốn chơi đùa cho hết năm tháng nào biết đâu tuổi già xồng xộc sắp đến và sự học có ích như thế nào? Về phần thầy cũng mong cho trò được tiến thoái tự do, nóng lạnh không liên quan đến mình, thì còn rồi công đâu mà chỉ trích! Như vậy là thầy trò cùng dễ dãi cho nhau mà không biết đã làm hại nhau vậy !"

Qua tài liệu đã đề cập, được biết thời gian vua Tự Đức trực tiếp thụ huấn các bậc thầy tương đối ngắn ngủi và sở học cũng chưa được trau dồi đúng mức. Kịp đến khi lên ngôi vua, có những phút cảm hứng muốn sáng tác nhưng vì công hàm dưỡng chưa sâu nên đã gây cản trở trong sự diễn tả ý tưởng. Lúc này nhà vua mới nhận ra sở đoản của mình và bắt tay vào công việc tự học; nhờ tinh thần hiếu học và lòng say mê văn chương nên đã gặt hái được thành công vẻ vang.

Công bằng mà xét, Tự Đức có một cơ duyên đặc biệt trên bước đường tự học. Chung quanh nhà vua, đàn quần thần như Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Nguyễn Tư Giản đều là những nhà Nho hay chữ. Ngoài ra nhà vua có ba vị hoàng thúc Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Tương An quận vương đều là thi sĩ nổi danh đương thời.

Ứng Trình qua cuốn *Tùng Thiện Vương* kể lại như sau:

Tự Đức triệu Tùng Thiện Vương vào cung để yêu cầu dạy làm thơ. Vương tâu vua xin đừng làm thơ, vì nghề trị nước trách nhiệm nặng nề tâm không được nhàn, nên từ xưa các vị chí tôn dẫu làm thơ thì chỉ tiêu khiển nhất thời mà thôi; tuy nhiên vì vua thích nên đành phải dạy. Mỗi khi tiếp thị vệ đệ tráp Ngự chế thi đến, Tùng Thiện Vương bèn mặc áo rộng, tra khăn đen, tự tay mở Hoàng phong ra rồi viết mật sớ, tâu nên đổi chữ này và vì có gì phải đổi.

Ngoài tấm lòng yêu văn chương nhiệt thành, nhà vua còn có thêm một khả năng đặc biệt hiếm thấy ở các nhà Nho khác, đó là phương pháp nghiên cứu và hệ thống hóa vấn đề. Ví như khi soạn cuốn sách giáo khoa *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca* nhà vua đã dụng công chia ngữ vựng chữ Hán ra thành môn loại (*Khan dư loại, Nhân sự loại, Chính hóa loại...*), với lối xếp đặt khoa học như vậy giúp cho người đọc dễ lĩnh hội.

Nếu so sánh cuốn sách này với cuốn sách vỡ lòng chữ Hán thông dụng *Tam thiên tự*; phải công nhận sách của Tự Đức công phu hơn và cũng có phương pháp hơn. *Tam thiên tự* tuy có vần, nhưng liệt kê ngữ vựng một cách tùy tiện, thiếu sự phạm. Ngược lại tác phẩm *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca* được hệ thống hóa bằng cách phân loại và đặc biệt sử dụng thơ lục bát là thể thơ quen thuộc với người Việt Nam nên dễ đọc dễ nhớ. Để tiện việc so sánh, xin trích dẫn một vài câu mở đầu của hai tác phẩm:

Tam thiên tự

*Thiên trời, địa đất;
Cử cát, tôn còn.
Tử con, tôn cháu,
Lục sáu, tam ba...*

Tự học giải nghĩa ca

*Thiên trời, địa đất, vị ngôi,
Phủ che, tải chở, lưu trôi, mãi đây.
Cao cao, bác rộng, hậu dày,
Thần mai, mộ tối, chuyển xây, di dời...*

Tổng quan về học vấn và sự nghiệp văn chương, phải nói tài bộ của vua Tự Đức đã đi đến chỗ thẳng đường nhập thất ^[19], vượt xa sự nghiệp chính trị của nhà vua.

E. Ảnh hưởng của gia đình đối với vua Tự Đức

1. Ảnh hưởng của vua cha Thiệu Trị

Dưới thời quân chủ, các hoàng tử và vua cha có sự cách biệt rất nghiêm khắc. Dù là con các hoàng tử vẫn phải luôn luôn giữ đạo thần tử; khi có chỉ tuyên triệu mới được bệ kiến, chứ không được tự tiện ra vào nơi cung cấm. Hơn nữa lúc trưởng thành các hoàng tử đều có phủ đệ riêng, nên sự liên lạc giữa cha con lại càng bị ngăn cách.

Riêng vua Thiệu Trị rất đông con (64 người) lại có lắm vợ, tình cảm của nhà vua được ban phát khắp cả tam cung lục viện, thì đâu còn dồi dào để chú ý đến cậu bé Hồng Nhậm gây yếu bệnh tật.

Thực vậy, ngoài bộ *Đại Nam thực lục* là sử của triều đình, có nói đến sự lưu ý của Thiệu Trị đối với Tự Đức, không có một tài liệu nào khác đề cập một cách rõ nét về tình cảm giữa hai cha con nhà vua. Phần mở đầu *Đại Nam thực lục đệ tứ kỷ* ghi như sau:

"Tháng giêng năm Thiệu Trị thứ ba được phong Phước Tuy công. An Phong công Hồng Bảo tuy lớn tuổi hơn nhưng thuộc dòng thứ, lại ít học ham chơi; riêng nhà vua tính tình nhân hậu, thông minh lại chăm học; được Hiến Tổ Chương Hoàng đế [Thiệu Trị] cho là giống mình nên đặc biệt thương mến chú ý. Máy lần phụng sắc chỉ vào châu, dạy cho đạo làm vua cùng sự vất vả của nhân dân trong việc canh tác."

Qua đoạn văn trích dẫn, sử quan đã dùng ngòi bút nhà nghề khéo léo ca tụng vua Tự Đức, chê Hồng Bảo, để gián tiếp biện minh cho việc phế truất lập thứ. Sử liệu này không giúp cho người khảo cứu thấy được ảnh hưởng thực sự của vua Thiệu Trị đối với Tự Đức; hay nói một cách khác ảnh hưởng của Thiệu Trị đối với Tự Đức nếu có cũng mờ nhạt, không thể sánh với tình cha con đậm đà trong dân chúng.

2. Ảnh hưởng của Từ Dụ Hoàng thái hậu đối với vua Tự Đức

Qua các tác phẩm của Tự Đức, được biết nhà vua nhắc đến mẹ nhiều hơn cha; đặc biệt trong bài biểu tạ ơn mẹ nhân dịp Ngũ tuần Đại khánh, Tự Đức hết sức tán tụng mẹ, coi mẹ là trời, là thầy:

*"Nuôi con ăn mẹ vậy, dạy con học cũng mẹ vậy; mẹ là thầy vậy.
Sinh con ra mẹ vậy, hiểu lòng con cũng mẹ vậy, mẹ là trời vậy."* ^[20]

Những sự kiện trên báo cho ta biết rằng ảnh hưởng của Từ Dụ đối với Tự Đức thực mãnh liệt; bởi vậy muốn tìm hiểu về Tự Đức không thể không xét kỹ về Từ Dụ Hoàng thái hậu.

Căn cứ vào sử liệu, được biết Từ Dụ không phải là người mẹ tâm thường; bà là một nhân vật thông minh không ngoan và có cơ tâm rõ rệt. Đời bà đã thực hiện được những ý nguyện sau đây.

2.1. Chiếm được lòng sủng ái của vua Thiệu Trị

Từ Dụ Hoàng thái hậu nữ danh là Phạm Thị Hằng, được tuyển vào cung năm 14 tuổi để hầu vua Thiệu Trị. Dịp này, có hai người con gái miền Nam được tuyển vào cung cùng một lượt, bà và một cô gái khác, ái nữ của quận công Nguyễn Văn Nhân. Theo lệ triều Nguyễn, ngôi thứ của cung phi lúc mới nhập cung cao hay thấp căn cứ vào chức tước của người cha. Vì tước quận công lớn hơn chức thượng thư của thân phụ bà; nên ngôi thứ của con gái quan quận công cao hơn bà. Sự kiện trên chứng tỏ rằng lúc mới vào cung hầu thái tử Miên Tông, địa vị của bà còn thua sút những người khác.

Nhưng nhờ tài khéo léo chiều chuộng nhà vua, ngôi thứ của bà trong cung thăng rất mau: năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) được phong chức Thành phi, năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) được phong làm Quý phi, địa vị tối cao đứng đầu cả sáu cung. Bà được sủng ái đến nỗi khi được tuyên triệu vào hầu, nhà vua chỉ gọi là "Phi" chứ không bao giờ kêu tên.

Tiến xa hơn một bậc, khi Thiệu Trị ngự triều ở điện Khâm Văn, sai bà ngồi sau vách để nghe các quan tâu và xem vua phán có rõ ràng hay không:

"Vua thường ngự triều tại điện Khâm Văn, sai Lệnh bà ngồi sau vách để nghe các quan tâu và vua ban huân thị có được rõ ràng chăng." [21]

Qua các sử liệu vừa trình bày, được biết Từ Dụ xuất thân từ một cung nhân tầm thường, đã vượt lên hàng Quý phi, coi sóc cả sáu cung, lại được vua ban cho đặc ân buông rèm thính chính. Có được địa vị như vậy, hoàn toàn do sự khôn ngoan thông minh của bà tạo nên, và địa vị này đã giúp rất nhiều trong việc tạo dựng tương lai cho con bà.

2.2. Huấn luyện Tụ Đức chỉ biết có mẹ

Qua phần thể chất vua Tụ Đức, được biết thuở nhỏ nhà vua ốm đau bệnh tật liên miên và được Từ Dụ săn sóc suốt cả ngày đêm. Đối với bà mẹ Việt Nam thương con, thì việc săn sóc con cái không lấy gì làm lạ; nhưng điều đáng lưu ý hơn là lời tâm sự sau đây của vua Tụ Đức:

"Hồi ta ba tuổi, bị bệnh đi tả cả đêm. Khi đó có vú nuôi song mẹ ta không bằng lòng, đuổi ra ngoài không cho làm vú nữa. Khi đi tả, hoặc nửa đêm hoặc hai phần đêm, mẹ ta thường chịu khó thức bông đỡ luôn. Ngày sau ta khôn lớn, được phong công tước ra ở tư các ^[22], mẹ ta còn cấm người vú tới lui. Đến khi ta lên ngôi, ta xin phép mẹ ta cho người vú ấy làm nữ quan." ^[23]

Phân tích kỹ đoạn sử liệu này, ta có thể quả quyết rằng Từ Dũ đã ghen với cả tôi tớ; bà không muốn con tra mình san sẻ tình cảm cho bất cứ ai và muốn rằng đối với con, mẹ là tất cả!

Về phương diện này Từ Dụ cũng đã rất thành công, vì bà đã uốn nắn vua Tụ Đức đúng như lòng mong muốn. Thực vậy, Tụ Đức quả là người con chí hiếu. Đạo hiếu của nhà vua được sử sách ghi lại như: ngày chẵn hầu cung Từ Dụ, ngày lẻ ngự triều; hoặc soạn *Từ huấn lục* ghi lời mẹ dạy... Riêng sách *Từ Dụ Hoàng thái hậu truyện* trình bày những chi tiết như sau:

"Bản tánh đức vua phụng sự bà chí hiếu lắm. Bà thường khi muốn nghe đọc sử, vua mỗi việc mỗi thừa thuật theo ý bà, chẳng có khi nào dám trái nhan sắc; chừng nào bà hết muốn nghe, bà dạy thôi đọc vua mới thôi dầu mỗi cách nào đi nữa vua cũng cam chịu. Chẳng những việc đọc sử mà thôi, bất cứ là chuyện chi nhà vua cũng đều nhất nhất thừa hoan theo ý bà." ^[24]

Với sử liệu vừa trình bày, cùng liên tưởng đến vận nước khó khăn, bốn phận làm vua lúc bấy giờ thực hết sức

nặng nề; người xưa thường khuyên rằng "vì việc công nên quên việc tư" (*công nhi vong tư*), Tự Đức lại đề quá nhiều thì giờ săn sóc hầu hạ mẹ, chữ hiếu của nhà vua xét ra có phần mù quáng.

2.3. Vận động cho con trai lên ngôi báu

Việc phế trưởng lập thứ sau khi Thiệu Trị mất, là một việc làm bất thường gây sự kinh ngạc đối với dư luận đương thời. Theo lẽ thường tình, hoàng tử Hồng Bảo con lớn vua Thiệu Trị lên nối ngôi, nhưng khi di chiếu tuyên đọc tại điện Cần Chánh thì không có tên Hồng Bảo, thay vào đó là Hồng Nhậm con Từ Dụ Hoàng thái hậu được lên làm vua (tức Tự Đức). Tiếp tục nghi lễ Hồng Nhậm khóc lạy lãnh mạng; trong khi đó Hồng Bảo phần uất thổ huyết hơn một đấu, nằm ngã vật giữa điện đình ^[25]. Có nhiều sự nghi ngờ về biến cố lịch sử này; phải chăng tờ chiếu bị tráo đổi? Từ Dụ Hoàng thái hậu có thực sự nhúng tay vào việc vận động cho Hồng Nhậm lên ngôi không?

Dĩ nhiên các bộ sử của triều Nguyễn đều phủ nhận việc làm này và chê hạnh kiêu Hồng Bảo, cùng đề cao vua Tự Đức... Tuy nhiên rải rác đó đây qua thư tịch, người khảo cứu có thể bắt gặp một vài dấu vết tình cờ, giải đáp tiếp trả lời câu hỏi nêu trên.

Bộ sử *Đại Nam chính biên liệt truyện* kể lại về giấc mộng của Từ Dụ như sau:

"Một hôm lệnh bà nằm mộng thấy thần nhân mặc áo rộng đai to, đầu bạc mày trắng, cầm một đạo sắc bằng giấy vàng chữ đỏ trên có dấu ấn tỳ và một xâu chuỗi minh châu trao cho lệnh bà và bảo: "Xem đó sau sẽ hiện nghiệm". Lệnh bà nhận lấy rồi có thai, sinh ra vua Tự Đức đúng như lời trong mộng."

Khó biết được giấc mộng có thực hay không, nhưng điều chắc chắn là người đầu tiên loan báo giấc mộng này không ai khác hơn là bà Từ Dụ. Thiết nghĩ bà là ái nữ quan Thượng thư Bộ Lại, chắc phải hấp thụ một nền

giáo dục nghiêm khắc, quyết không thể khinh suất thốt ra lời thiếu khiêm tốn nhằm loan truyền những dự triệu đế vương, trong khi Hồng Nhậm chỉ là con thứ; vì như vậy có thể mang tội. Vậy đây chỉ có thể là một dự mưu, nhằm mục đích thần thánh hóa hoàng tử Hồng Nhậm để chuẩn bị tranh chiếc ngai vàng.

Hơn nữa bà là người có cơ tâm, lại có dịp buông rèm thính chính; chắc phải có thừa thông minh nhận được vị đại thần nào có uy tín với vua để tìm cách kết thân. Ngược lại, các quan đại thần ắt cũng nể sợ muốn kết bè đảng với một nữ nhân vật được vua tin cậy, luôn luôn có mặt sau hậu trường chính trị. Mặt khác, Từ Dự rất được vua sủng ái, giữa bà và vua là một cặp vợ chồng tâm đầu ý hợp, chắc chắn có những đêm trường tâm sự trong chốn khuê phòng, đó là những cuộc vận động hữu hiệu nhất.

Với những sự kiện vừa trình bày, có thể kết luận rằng bà là nhân vật chủ chốt trong việc vận động cho hoàng tử Hồng Nhậm lên ngôi báu.

2.4. Gián tiếp can dự vào việc chính trị

Qua bài tụng dâng lên mẹ nhân dịp *Thánh thọ lục tuần đại khánh*, Tụ Đức viết:

*"Việc quốc kế dân sinh,
Hỏi thăm để vui vẻ nhận điều tốt.
Nhưng mẹ không can dự vào việc triều chính,
Phép nhà giữ cẩn thận nghiêm trang."* [26]

Đem đối chiếu đoạn văn trên với những điều đã tìm hiểu được về Từ Dự Hoàng thái hậu, ta nhận thấy Tụ Đức viết những lời trên nhằm mục đích biện minh cho mẹ; chứ con người đầy cơ tâm và thông minh như bà, không thể hỏi việc chính trị với lý do giản dị là để biết điều tốt, mà không có ý kiến phê phán. Và ý kiến của

Thái hậu, người được vua coi là trời, là thầy, ắt phải là một quyết định. Vậy thì việc Từ Dụ gián tiếp tham dự vào việc chính trị là một điều hiển nhiên không thể chối cãi được.

Thực ra điều này không những chỉ xảy ra dưới thời Tự Đức, mà đã có trước đó dưới thời Thiệu Trị, và sau đó kể từ khi Tự Đức thăng hà cho đến khi Thành Thái lên ngôi.

Như trên đã đề cập, dưới thời Thiệu Trị khi vua ngự triều, Từ Dụ được ngồi sau vách để nghe các quan tâu và vua ban lệnh có rõ ràng hay không. Dĩ nhiên lúc trình bày lại cho vua nghe, Từ Dụ không thể làm công việc đơn giản của chiếc máy ghi âm, và chắc rằng bà đã chứng tỏ sự thông minh quán xuyến của mình để được vua yêu bằng những lời phân tách nhận định vấn đề, đó là giai đoạn đầu tham dự vào việc chính trị. Đến khi lòng tin của đảng quân vương đã được củng cố, Từ Dụ chắc đã nói lên những lời có lợi cho con bà, vây cánh của bà và ngược lại vô hiệu hóa ảnh hưởng của phe Hồng Bảo. Lịch sử ghi nhận rằng phe Từ Dụ đã chiến thắng vẻ vang trong cuộc chạy đua giành giật ngôi báu.

Kịp đến khi Tự Đức lên ngôi, một phần vì thương con yếu đuối nhu nhược; một phần vì kẻ thù của mẹ con bà là Hồng Bảo vẫn còn là mối đe dọa, nên bà lại càng lưu ý vào việc chính trị và cuối cùng đã loại được Hồng Bảo. Sự việc xảy ra sau khi Tự Đức lên ngôi, Hồng Bảo âm mưu với một số tín đồ Thiên Chúa giáo để tìm cách giành lại ngôi báu. [27] Cuối tháng Giêng năm 1851, ông bị bắt lúc sửa soạn đáp tàu sang châu Âu, sau đó được vua Tự Đức tha cùng hứa lo cho ông được sung túc, nhận con ông làm con nuôi và ban cho 100 nén bạc và 1 nén vàng. Nhưng rồi Hồng Bảo lại tiếp tục dự mưu, cho các đồng đảng ra ngoài để tìm ngoại viện. Việc phát giác, triều đình kết tội lăng trì, nhưng Tự Đức giảm xuống chung thân, rồi trong ngục thất ông đã chết bằng dây thắt cổ [28] ; ngoài ra các con của ông đều bị giam và đổi sang họ Đinh là họ của mẹ. Tiếp đến cuộc phản nghịch của Đoàn Trưng, âm mưu lập con trưởng của Hồng Bảo là Đinh Đạo bị thất bại, cả gia đình Hồng Bảo gồm tám người đều bị xử thắt cổ.

Sách *Từ Dụ Hoàng thái hậu truyện* còn cung cấp thêm chứng liệu sau đây về việc vua Tự Đức tỏ vẻ hối hận về vụ Hồng Bảo, lúc đọc sử Tàu cho mẹ nghe:

"Vua đọc đến đoạn em vua Hán Văn đế là Hoài Nam vương Lưu An làm phản bị phát giác. Hán Văn đế triệu em về kinh đô Trường An tha tội, rồi đày qua đất Thục. Dọc đường Hoài Nam vương nghĩ giận mình làm lỗi rồi, lại buồn vì nổi có ông anh làm vua mà không dung được một thằng em, liền nhịn đói mà chết. Hán Văn đế nghe tin xót thương khóc lóc thái quá. Nhân dân lúc bấy giờ có câu hát rằng:

*"Một thước vải còn có thể may mặc chung với nhau.
Một đấu thóc còn có thể ăn chung với nhau.
Anh em hai người không dung nhau được !"*

Lệnh bà dạy rằng:

"Người bạo nghịch như vậy mà trong lòng không biết tự oán trách mình, cũng đáng làm lạ."

Vua tâu:

"Việc của anh con cũng thế, con mỗi mỗi không an tâm, con lấy làm buồn lắm!"

Lệnh bà dạy:

"Phép nước không thể bỏ được; việc ân nghĩa giữa hai anh em lẽ đâu lại riêng tư. Lời hát quê của nhân dân đâu đủ làm phiền lòng vì việc anh em không dung nhau. Trong thân tộc chớ để trọng quyền, vì e rằng khó chế. Người đời khi lâm hồi biến, biết sao vuông tròn được!" [29]

Qua sử liệu vừa trình bày, có thể suy luận rằng Từ Dụ là một trong những nhân vật chủ trương tiêu diệt gia đình Hồng Bảo nhằm mục đích "*nhổ cỏ phải nhổ cả rễ*", riêng Tụ Đức chỉ vì yếu đuối mù quáng nghe lời mẹ nên đành phải nhận một vết nhơ đối với gia tộc và lịch sử; nhưng thâm tâm nhà vua vẫn luôn luôn hối hận đau khổ về việc này.

Thực ra không phải chỉ riêng vụ Hồng Bảo mà suốt 36 năm trị vì của vua Tụ Đức, ảnh hưởng của Từ Dụ Hoàng thái hậu chẳng khác gì đám mây đen, bao phủ cả sân khấu chính trị thời bấy giờ. *Từ huấn lục* của Tụ Đức là một cuốn sách ghi lời chỉ dạy của Thái hậu, những đêm đọc sử cho mẹ nghe là những buổi nhai chuyện xưa nói chuyện đời nay, để bà bảo cho những việc nên làm, những người nên dùng... Bọn gian thần thời bấy giờ biết được ảnh hưởng của Từ Dụ rất lớn, nên đã tìm cách lui tới mua chuộc.

Về điểm này, Phan Bội Châu, một nhân vật sống cách thời Tụ Đức không xa đã ghi nhận được nguồn dư luận đương thời đối với Từ Dụ Hoàng thái hậu và ông đã công phần trình bày trong cuốn *Việt Nam vong quốc sử* như sau:

"Trong nước có Thái hậu họ Phạm, mẹ vua Tụ Đức đã ngu lại tham, thường can dự vào việc triều chính. Việc Tụ Đức việc gì cũng trình qua Thái hậu rồi mới thi hành. Nguyễn Văn Tường thường lấy những vật quý người Pháp hối lộ, đem hiến cho Thái hậu để kết bè đảng. Hôn bà gian tặc lộng quyền trong ngoài, làm đảo điên quốc chính, các bậc chính nhân quân tử bị hãm hại, có kẻ bị chết chém có người bị cách chức về quê." [30]

Có người dễ dẫn cho rằng Từ Dụ can dự vào việc chính trị là do lòng thương con. Dưới cặp mắt bà, vua Tụ Đức chỉ là cậu bé Hồng Nhậm bệnh tật yếu đuối cần được che chở đùm bọc, và tâm sự của bà cũng giống như tâm sự bà mẹ Việt Nam trong ca dao:

*Ví dù cầu ván long đình,
Cầu tre lắt léo gặp ghềnh khó đi.
Khó đi mẹ dắt con đi,
Khó về mẹ cũng không hề bỏ con.*

Tuy nhiên, sự việc không quá đơn giản như vậy, bằng cứ là sau khi Tự Đức mất, Từ Dụ lúc này đã trên 70 tuổi, cái tuổi mà con người ta có quyền gác bỏ thế sự, thì một lần nữa bà lại dấn thân vào việc chính trị. Nguyên sau khi quân ta tấn công vào đồn Mang Cá bị thất bại, xa giá phải bôn ba ra Quảng Trị; tới đây bà nhất quyết đòi trở về Huế. Rồi bà xuống dụ cho người gọi Hàm Nghi từ chiến khu về, nhưng vua không nghe lời. Tháng 8 năm Ất Dậu, bà ban đạo dụ khác tấn phong hoàng tử Ưng Kỳ lên làm vua, lấy niên hiệu là Đồng Khánh; nội dung đạo dụ hoàn toàn đề cao người Pháp và kết tội phe chủ chiến Tôn Thất Thuyết là nghịch thần. ^[31] Chắc chắn khi làm công việc trên, bà chịu áp lực mạnh của ngoại bang. Tuy nhiên, nếu bà là một người có tâm hồn yêu nước, thì sẽ vui lòng cùng vua Hàm Nghi lên chiến khu Tân Sở; hoặc vì già yếu muốn trở về Huế tĩnh dưỡng, thì cũng nên lấy cớ già yếu và lý do phụ nữ Việt Nam không quen can dự vào việc triều đình để từ chối việc hợp tác với Pháp, có như vậy bà mới tránh khỏi vết nhơ trong lịch sử.

Qua những chứng liệu đã trình bày, có thể kết luận rằng Từ Dụ Hoàng thái hậu là mẫu người đàn bà rất say mê việc chính trị, cũng giống như một số phụ nữ lừng danh trong lịch sử các quốc gia khác. Nhưng vì truyền thống dân Việt Nam thời xưa không mấy thiện cảm với phụ nữ chi phối việc triều đình; nên bà không dám công khai xuất hiện trước sân khấu chính trị. Điều đáng buồn là quan điểm chính trị của bà rất hạn hẹp, chỉ cầu sự an toàn cho hai mẹ con; nên có thể nói vua Tự Đức đã lâm vào chữ "hòa" của giặc ^[32], phần lớn do bà ảnh hưởng.

3. Ảnh hưởng của vợ đối với vua Tự Đức

Xét về Tự Đức, ta thấy ở nhà vua tình mẫu tử phong phú đậm đà bao nhiêu, thì tình vợ chồng lại càng nghèo nàn nhạt nhẽo bấy nhiêu. Phải chăng con người ta được dồi dào về phương diện này, thì phải chịu khiếm khuyết về phương diện khác; hay vì khiếm khuyết ở chỗ này, nên phải tìm nguồn an ủi ở chỗ khác?

Sở dĩ chúng tôi đặt vấn đề như trên, vì có dư luận cho rằng vua Tự Đức bị bắt lực về cuộc sống vợ chồng. Điều nghi vấn này khó có thể giải đáp được một cách trọn vẹn, vì đây là bí mật chốn phòng the, sử sách không bao giờ dám đề cập tới. Tuy nhiên, qua đạo dụ ra lệnh cho dân chúng và quan lại ai có phương thuật tài năng được phép tự tiến cử, nhà vua hé cho ta thấy một chút bí mật về việc không con nối dõi của ngài:

"Mỗi nghĩ đến thương mến sâu xa của đức Hoàng khảo, và lòng nhân từ phúc hậu của đức Thánh mẫu [33], nên ta muốn hưởng thú vui có con, để khỏi thẹn với công ơn hai thân; song đến già rồi cũng chỉ buồn lo thế biết làm sao? Muôn đời sau biết nói sao đây! Vậy chẳng thà chịu trăm lần lừa dối, để mong một lần công hiệu. Cầu cái không thể được chỉ muốn làm hết sức người để trời rủ lòng thương, và mong được cái không thể cầu là muốn trời chưa nổi tuyệt lòng người vậy."

Qua đoạn văn vừa trình bày, khiến người đọc không khỏi ngạc nhiên ở hai nhóm chữ "cầu cái không thể được" (câu kỳ bất khả đắc) và "được cái không thể cầu" (đắc kỳ bất khả cầu). Thiế tưởng đối với một người đàn ông lạnh mạnh thì việc có con cái là lẽ thông thường; tục ngữ há chẳng bảo rằng:

*Cả sông đông chợ,
Lắm vợ nhiều con.*

Về vợ, nhà vua có cả tam cung lục viện nên có rất nhiều điều kiện để có con; có sao phải than "cầu cái không thể được" và mong "được cái không thể cầu"? Suy nghĩ thêm về câu văn bóng gió này, có thể hiểu được là nhà vua đã biết rằng mình không thể có con, hay nói một cách rõ hơn cuộc sống vợ chồng của nhà vua có điều trục trặc bất thường.

Nếu xét thêm về cách cư xử của nhà vua đối với bà vợ chính Lệ Thiên Anh Hoàng hậu, lại tìm thấy sự bất thường khác. Lệ Thiên Anh Hoàng hậu là con gái quan Ngự tiền đại thần Vũ Xuân Cẩn. Bà nhập cung năm Thiệu Trị thứ ba (1843) và được phong đến chức Quý phi, đứng đầu sáu cung. Nhưng đến năm Tự Đức thứ 35 (1882) tức là sau 39 năm kết nghĩa vợ chồng, bà bị khiển trách và giáng xuống Trung phi qua đạo dụ như sau:

"Hoàng Quý phi họ Vũ gắn bó với Trẫm đã lâu, niên kỷ cũng đến tuổi giai lão. Trẫm đãi rất hậu, mới phong đến bậc nhất trong hàng cung giai để coi sóc sáu cung, đôn đốc kính cẩn siêng năng cho yên lòng Trẫm, thật là vinh hạnh thay.

Tưởng rằng tuổi càng cao, thì đức càng sáng để xứng với ân mệnh. Không ngờ từ đó tới nay, mảy may không lưu ý, siêng nhắc mặc người, không hề răn dạy, phạm công việc không khỏi gây phiền, thực cô phụ chức phận; đó là tự mình lười biếng thì đâu còn đốc suất được người. Song Trẫm thường khoan dung, không nể nặng lời quở trách.

Từ khi Trẫm bị bệnh nặng tới nay; đáng lẽ phải chăm chỉ lo lắng gấp bội, luôn luôn đứng ngồi hầu hạ bên giường và cho Trẫm ăn uống đầy đủ thích nghi, mới xứng với địa vị cao cả và đạo vợ chồng. Có sao một niên trở nải, lại không thấy chút tình ưu ái. Đến nỗi việc dâng cơm nước thường ngày cũng cố ý trì trệ, no đói thất thường; vậy thì sự phụng dưỡng ở đâu và thuốc thang nào còn bổ ích? Đạo vợ chồng lấy điều thuận lìa chánh, chủ quỹ^[34] làm đầu tất phải sớm tối siêng năng điều dưỡng không khuyết, thế mà còn lo chưa an tâm chưa xứng vị; huống hồ chậm trễ bất kính thì tình nghĩa chức phận ở chỗ nào?

Gia dĩ cây thế được yêu, mỗi lần quả phạt sắc mặt tỏ vẻ ta oán, tiêu pha xa xỉ lại còn dám nài nỉ mong ân. Sạc không nghĩ lộc vị hưởng đến như vậy là hơn người bội phần, có gì thiếu nữa đâu mà còn đòi hỏi không chán. Nếu như kẻ khác bắt chước theo thì tội ai gánh. Lỗi người dồn dập quá nhiều sao chưa mấy may sửa đổi?

Ôi! Pháp luật là chung cho mọi người, có tể gia mới mong trị quốc, ví phỏng cứ như lệ cũ mỗi mỗi dung tha thì kẻ không hiểu biết sẽ thỏa theo điều trái; lấy điều may được tha thứ cho là đắc ý, không một chút sợ mảy mảy sửa đổi, như thế đâu phải là đạo thành toàn. Bởi vậy phải trừng phạt một kẻ để cảnh giác hàng trăm, có thấy hình phạt thì mới biết ơn. Vậy giáng Hoàng Quý phi họ Vũ xuống làm Trung phi song vẫn giữ nguyên chức và cai quản thượng nghị, không cần thay thế để tránh lạm dụng; khiến cho người nhìn lại danh nghĩa, sửa lỗi đồ mới, may được đẹp đẽ về sau, đó là ân nghĩa trọn vẹn.

Nhược bằng cứ như tật cũ, không chịu sửa mình thì chỉ là cây gỗ mục không thể chạm khắc được, còn kẻ lòn gì! Người phải kính sợ! Trẫm không nói lần thứ hai.

Ngày 24 tháng 12 năm Tự Đức thứ 35” [35]

Đạo dụ vừa trình bày cho ta những nhận xét sau đây: Lệ Thiên Anh Hoàng hậu là bà vợ chính của Tự Đức, khi bị giáng trách thì bà đã có gần 40 năm chung sống với nhà vua, và cả hai đều trên năm mươi tuổi. Thế mà chỉ vì lỗi lầm không mấy nặng nề bà bị giáng xuống Trung phi; đó là một điều nhục nhã cho bà và cũng là điều đáng đặt câu hỏi về vua Tự Đức. Có phải đây là một cơn thịnh nộ nhất thời như chính sử chép chăng? [36] Quyết không phải! Vì không ai giận vợ với một lý do đơn giản là dọn cơm trễ, lại có đủ kiên nhẫn ngồi viết một bài văn trách phạt dài hơn 400 chữ, bố cục đã chặt chẽ, lời lẽ lại đanh thép! Vậy ở đây chỉ có thể là một cơn ba đào mãnh liệt được nhen nhúm bởi những đợt sóng ngầm trước đó. Những đợt sóng ngầm là những chuỗi ngày buồn bã nhợt nhạt của cặp vợ chồng không con, trực trặc trong việc ái ân chăn gối, "nét mặt t

oán" ghi trong đạo dụ, được hiểu thay cho những tiếng thở dài não nuột của người đàn bà sống những chuỗi ngày lê thê trong chốn thâm cung, không phải bị thất sủng, mà ở vào hoàn cảnh "*Tuy trong gang tấc, mà ngoài quan san*".

Nếu là người tin số tử vi, có thể bảo rằng cung tử tức và thê thiếp của nhà vua rất xấu. Lệ Thiên Anh Hoàng hậu đã không đem lại hạnh phúc cho vua, mà cả bà Học phi vợ khác của Tự Đức cũng bị đồn rằng có tư tình với viên đại thần Nguyễn Văn Tường. [37]

Tất cả những điều đã tìm hiểu, có thể giúp cho việc đính chính bài thơ nổi tiếng *Khóc thị Bằng* chép dưới đây có thuyết gán cho Tự Đức là tác giả:

Khóc Thị Bằng

*Ới thị Bằng ơi đã mất rồi!
Ới tình ới nghĩa ới duyên ôi.
Trưa hè nắng chói oanh ăn nói,
Sớm ngỏ trưa sân liễu đứng ngồi.
Đập cô kính ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn y lại để dành hơi.
Mối tình muốn dứt càng thêm bận,
Mãi mãi đeo hoài chứ chẳng thôi.*

Thực vậy, xuyên qua cuộc sống lừa dối, Tự Đức không phải là mẫu người đam mê về tình ái. Ảnh hưởng của vợ đối với Tự Đức thật không đáng kể, hoặc nếu có chẳng thì vấn đề vợ con chỉ là một sự khổ lụy cho nhà vua

mà thôi.

*

Làm vua không phải là một công việc dễ dàng, trong lịch sử đã có những người tự xét khả năng mình không thể gánh vác được, nên đã từ chối; có những bậc cha mẹ khóc lóc năn nỉ, lấy cớ con mình tài hèn phúc bạc xin đừng đưa lên làm vua.

Qua sự tìm hiểu về con người vua Tự Đức trên các khía cạnh: thể chất, tính tình, học vấn, cha mẹ, người phối ngẫu; người nghiên cứu có thể mạnh dạn nói rằng nếu lúc trẻ Hồng Nhậm được tham dự một cuộc trắc nghiệm về hướng nghiệp, thì kết quả cho biết rằng làm vua không phải là nghề tốt cho chàng và bản thân Hồng Nhậm cũng không có tham vọng đó. Nếu được dành trọn đời vào công việc sáng tác thì rất thích hợp, và sự nghiệp văn chương của Hồng Nhậm sẽ rạng rỡ chẳng kém gì các vị chú ruột như Tùng Thiện vương Miên Thẩm hoặc Tuy Lý vương Miên Trinh.

Điều đáng buồn cho Hồng Nhậm và cho lịch sử nước ta là Từ Dụ Hoàng thái hậu có chủ ý khác. Với tham vọng của một người mẹ, bà quyết giành cho con trai chức vụ quý báu nhất đời, đó là ngôi vua. Đâu có ngờ rằng 36 năm làm vua của Tự Đức là 36 năm đau khổ, vì không đối phó nổi với thời cuộc, và cuối cùng đành phải chịu tội trước lịch sử làm một ông vua gây nên cảnh vong quốc!

[1]Chỉ Phan Thanh Giản.

[2]Tự Đức, *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyền nhị, *Tự biếm dụ*.

[3]Hồng là chữ đầu của tên, được lấy theo thứ tự trong bài *Đế hệ thi* nguyên văn như sau:
Miên, Hồng, Ung, Bửu, Vĩnh.

Bảo, Quý, Định, Long, Trường.

Hiền, Năng, Kham, Kế, Thuật.

Thế, Thụy, Quốc, Gia, Xương.

Bài thơ này được Minh Mệnh ban ra vào năm 1823 để phân biệt những con cháu thuộc dòng dõi nhà vua với những dòng khác, chỉ những người trong dòng này mới có thể lên làm vua. Như con Minh Mệnh: Miên Tông (Thiệu Trị); cháu: Hồng Nhậm (Tự Đức); cháu 3 đời: Ứng Lịch (Hàm Nghi); cháu 4 đời: Bửu Lân (Thành Thái); cháu 5 đời: Vĩnh Thụy (Bảo Đại); cháu 6 đời: Bảo Long (con Bảo Đại). Nên nhớ đây chỉ là chữ đầu của tên, riêng họ là Nguyễn; vậy muốn gọi đầy đủ họ tên Vĩnh Thụy, phải gọi là Nguyễn Vĩnh Thụy, hoặc Nguyễn Phước Vĩnh Thụy.

[4] *Tự Đức, Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 4, tờ 3b, 4a.

[5] Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, tr 473.

[6] Tạ Quang Phát, *Từ Dụ Hoàng thái hậu*, tr 50.

[7] *Tự Đức, Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 3, tờ 12b.

[8] *Tự Đức, Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 2, tờ 3a.

[9] *Tự Đức, "Tứ tể tứ đệ Kiến Thụy quận vương văn, Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 10.

[10] Tú khí: khí thiêng hun đúc.

[11] Tiên thiên: bẩm sinh.

[12] Con vua đến tuổi phải ra ở lầu gác riêng.

[13] Hai anh em theo vua cha Thiệu Trị đi kinh lý miền Bắc, gọi là "Bắc tuần ngự giá"

[14] Xin xem phần văn nghiệp.

[15] *Tự quân*: vua kế vị.

[16] Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, tr 473.

- [17] Tục Đức, *Tục Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 10, bài số một.
- [18] Tục Đức, *Ngự chế thi sơ tập tục tự*, quyển 10, tờ 1a.
- [19] Thăng đường nhập thất: học vấn đến bậc cao minh là thăng đường, dò đến chỗ sâu kín là nhập thất.
- [20] Tục Đức, *Tục Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 11, "Ngũ tuần Đại khánh yến phẩm cầm ngọc biểu", tờ 7b.
- [21] Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 2 tờ 5a.
- [22] Tư các: gác riêng dành cho hoàng tử.
- [23] *Từ Dụ Hoàng thái hậu truyện*.
- [24] *Từ Dụ Hoàng thái hậu truyện*.
- [25] Nguyễn Khuê, *Tâm trạng Tương An quận vương qua thi ca của ông*.
- [26] Tạ Quang Phát, "Từ Dụ Hoàng thái hậu", *Việt Nam khảo cổ tập san*, số 5, 1968, tr 153-166.
- [27] Nguyễn Khuê, *Tâm trạng Tương An quận vương qua thi ca của ông*, tr 211.
- [28] Giáo sư Bửu Cầm cho rằng đó là một cái chết khả nghi, người ta không tin là tội nhân tự tử, nhưng bị giết. (Dẫn bởi *Tâm trạng Tương An quận vương qua thi ca của ông*, tr 314)
- [29] *Từ Dụ Hoàng thái hậu truyện*, tr 53.
- [30] Phan Bội Châu, "Việt Nam vong quốc sử", *Tập san Đại học Văn khoa*, niên khóa 1959-1960, tr 6.
- [31] *Từ Dụ Hoàng thái hậu truyện*, tr 200.
- [32] Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử*, tr 274: Vua Tục Đức than với quần thần về việc viên đại diện Pháp phản đối sự tăng cường phòng thủ ở cửa bể Thuận An như sau:
"Sở ngôn sở hành của họ như vậy, làm sao mà tin được. Phòng bị là một việc thường của một nước, lẽ nào bắt người ta bỏ tay đừng làm gì cả mới bằng lòng sao? Hèn chi các tỉnh có phòng bị thì họ đều muốn triệt đi, để trước sau lấy một chữ hòa mà phỉnh gạt ta cho được".

[33] Xung cha vua đã mất là Hoàng khảo, mẹ vua là Thánh mẫu.

[34] Chủ quỹ tức là người vợ chính, thường nắm ngân quỹ trong gia đình.

[35] Tự Đức, *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 9, tờ 11b, 12a, 12b, 13a.

[36] Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, tập 2, quyển 4, tờ 3a, 3b ghi như sau: Mùa đông tháng Chạp năm Tự Đức thứ 35 giáng làm Trung phi. Lúc đó công vụ đa đoan, vua làm việc quên ăn nên kém sức khỏe, phải dùng thuốc. Bọn cung nhân dân dâng cơm chậm trễ, làm trái ý vua nên Hoàng hậu bị giáng xuống làm Trung phi.

[37] Phan Khoang, sách đã dẫn, tr 335: có người nói bà Học phi Nguyễn thị (vợ vua Tự Đức) mẹ nuôi vua Kiến Phúc có tư tình với Nguyễn Văn Tường. Một hôm vua Kiến Phúc đau, Tường vào thăm và trò chuyện với bà. Vua nghe được và có hăm dọa; Tường thấy thế nguy, bèn xuống Thái Y Viện bốc một thang thuốc để dâng vua uống, ngày hôm sau thì vua băng.